

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-PT
Ngày: 21/3/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tổ Giang.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;
ông Lê Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: bà B Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2021/TLPT-DS ngày 24/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 207/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2022/QĐ-PT ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà A, sinh năm 1965; nơi cư trú: số 16, đường N, Khóm 5, phường E A, thành phố D, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* ông B, sinh năm 1971; nơi cư trú: số nhà 611/14, ấp N, xã M, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Vào ngày 15/6/2020 ông B có đến gặp bà để vay số tiền 63.500.000 đồng, mục đích để chi tiêu sinh hoạt. Việc vay tiền hai bên có lập thành văn bản, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/6/2021), lãi suất 1,7%/tháng. Ngoài ra, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì ông B có thể chấp cho bà quyền sử dụng đất với diện tích 1.394m², tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện E, tỉnh

An Giang; việc thế chấp này cũng được Phòng Công chứng số 2 công chứng. Có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện E.

Tuy nhiên, khi vay tiền ông B chỉ đóng lãi cho bà được 02 tháng (đóng được 2.200.000 đồng), rồi ngưng không đóng nữa. Bà nhiều lần yêu cầu ông B đóng lãi nhưng ông B không đóng lãi và nhiều lần hứa lần hứa lựa.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 63.500.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 1,7%/tháng trên số tiền này kể từ ngày 15/9/2020 cho đến ngày 15 tháng 3 năm 2022 là 06 tháng với số tiền lãi là 6.477.000 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 69.977.000 đồng và tính lãi từ ngày 15/3/2021 cho đến xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi đến ngày trả nợ xong.

- Trường hợp ông B không trả được nợ vốn, lãi thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03375/QSDĐ/iF do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 10/10/2000 cho ông B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 890, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa bà và ông B đã được Phòng công chứng số 02 chứng ngày 15/6/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện E.

Bị đơn ông B vắng mặt suốt quá trình hòa giải và xét xử lần đầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- + Buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 63.500.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền này kể từ ngày 15/9/2020 cho đến Tòa án xét xử sơ thẩm (30 tháng 9 năm 2021) là 01 năm 15 ngày với số tiền lãi là 13.229.166 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 76.729.166 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày trả nợ xong theo lãi suất quy định.

- + Trường hợp ông B không trả được nợ vốn, lãi thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03375/QSDĐ/iF do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 10/10/2000 cho ông B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 890, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa bà và ông B đã được Phòng công chứng số 02 chứng ngày 15/6/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện E.

- Bị đơn ông B trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A, yêu cầu phải có mặt bà A tại phiên tòa để làm rõ số tiền mà ông đã vay của bà A. Ông cho rằng ông vay của bà A chỉ có 50.000.000 đồng từ năm 2015, mỗi tháng ông đóng lãi đều đặn 1.500.000 đồng suốt từ năm 2015 cho đến khi bà A yêu cầu ông làm hợp đồng mới năm 2020, khi ký lại hợp đồng ông không biết số tiền mà bà A ghi bao nhiêu vì ông không biết chữ, nhân viên công chứng cũng

không đọc lại cho ông nghe, việc ông đóng lãi không kêu bà A ký nhận và tất cả các hợp đồng vay ông đều không được giữ mà bà A giữ hết, bà A kêu ông ký tên xong rồi kêu ông về. Nay ông xác định chỉ nợ bà A 50.000.000 đồng, chứ không phải số tiền 63.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A đối với bị đơn B.

- Buộc ông B có trách trả cho bà A số tiền vốn, lãi là 76.729.166 đồng.

- Kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/tháng.

- Trường hợp ông B không trả được vốn, lãi thì bà A được quyền yêu cầu xử lý tài sản thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03375/QSDĐ/iF do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 10/10/2000 cho ông B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 890, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa bà và ông B đã được Phòng công chứng số 02 chứng ngày 15/6/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện E.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2021, ông B kháng cáo yêu cầu: xin được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ số nợ vốn vay là 50.000.000 đồng, do đã đóng lãi kéo dài gần 07 năm và hiện không còn khả năng trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ông B cho rằng chỉ nợ bà A số tiền 50.000.000 đồng, đã đóng lãi từ năm 2015, nay xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Bà A không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: ông B thực hiện quyền kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo:

Bà A khởi kiện và yêu cầu ông B trả số tiền 63.500.000 đồng và lãi suất theo quy định theo hợp đồng thỏa thuận lãi suất và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Xét thấy, sự xác lập hợp đồng vay tài sản giữa bà A và ông B phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, ông B không trình bày ý kiến xem như từ bỏ quyền của mình. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà A khởi kiện là có căn cứ. Yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15 tháng 9 năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm, với tiền lãi được tính là 13.229.166 đồng, cộng vốn lãi là 76.729.166 đồng là phù hợp.

Ông B có thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 890, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa bà A và ông B đã được Phòng công chứng số 02 chứng ngày 15/6/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện E. Bà A yêu cầu xử lý tài sản trong trường hợp ông B không trả vốn, lãi là có cơ sở.

Ông B kháng cáo yêu cầu trả mỗi tháng 01 triệu đồng nhưng bà A không đồng ý, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên lãi suất chậm thi hành án là 20%/tháng là không đúng quy định.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E về lãi suất chậm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện E xét xử vào ngày 30/9/2021. Ngày 11/10/2021, ông B kháng cáo. Ông B kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thỏa thuận lãi suất lập ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa bà A và ông B được các đương sự thừa nhận chữ ký, chữ viết. Hợp đồng thế chấp được công chức tại Phòng công chứng số 02 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh

huyện E. Từ đó cho thấy, vào ngày 15/6/2020, giữa bà A và ông B đã xác lập hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, với số tiền vay là 63.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,7%/tháng.

Ông B thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thỏa thuận lãi suất ngày 15/6/2020, nhưng ông cho rằng ông không biết chữ, không đọc nội dung, thực sự là ông chỉ vay số tiền 50.000.000 đồng vào năm 2015, đã đóng lãi đầy đủ từ 2015 đến nay. Tuy nhiên, ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về lãi suất: thỏa thuận lãi suất 1,7%/tháng (20,4%/năm) là vượt quá mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Lẽ ra, cần điều chỉnh và khấu trừ tiền lãi đã nộp, nhưng số tiền lãi 2.200.000 đồng từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/9/2020 chưa đủ số tiền lãi 03 tháng, nên cấp sơ thẩm không khấu trừ là phù hợp.

[2.3] Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà A khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ và lãi suất 20%/năm là có cơ sở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Lãi suất được tính từ ngày 15/9/2020 đến 30/9/2021 là 01 năm 15 ngày, với mức lãi suất 20%/năm, trên số tiền vốn 63.500.000 đồng:

$63.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 15 \text{ ngày} = 13.229.166 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn, lãi: 76.729.166 đồng.

[2.4] Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để xem xét nên không có cơ sở chấp nhận

[2.5] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 15/6/2020 đã được giao kết và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Do đó, bà A yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông B không trả nợ là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[2.6] Xét phần quyết định của bản án sơ thẩm có sai sót khi tuyên lãi suất giai đoạn thi hành án là 20%/tháng, nên cần phải sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A đối với bị đơn B.

- Buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền vốn 63.500.000 đồng và tiền lãi 13.229.166 đồng, tổng cộng vốn, lãi là 76.729.166 (bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông B không trả được vốn, lãi thì bà A được quyền yêu cầu xử lý tài sản thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03375/QSDD/iF do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 10/10/2000 cho ông B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 890, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa bà và ông B đã được Phòng công chứng số 02 chứng ngày 15/6/2020. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện E.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông B phải trả lại cho bà A 500.000 (năm trăm ngàn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B phải chịu 3.836.000 (ba triệu tám trăm ba mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A được nhận lại 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008826 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông B không phải chịu, được nhận lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003309 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện E (1);
- THADS huyện E (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Tòa Dân sự (1);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang